

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 14 - 3 - 2024  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hạnh

Ông Phùng Quang Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ nơi ở hiện nay: Số nhà E, ngõ B, đường M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thu H trình bày:*

Chị kết hôn với anh Bùi Văn H1 ngày 15/3/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là thị trấn K), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị thuê nhà chung sống tại huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và sau này có thuê nhà tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để tiện làm việc. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng

quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát. Năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và kéo dài đến khoảng tháng 5/2023 thì vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên đã dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **H1**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Bùi Thu H2**, sinh ngày 19/8/2012 và cháu **Bùi Khánh L**, sinh ngày 07/11/2014. Hiện nay, cháu **H2** đang ở với anh **H1**, còn cháu **L** đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh **H1** phải cấp dưỡng nuôi con.

Lý do chị xin được nuôi dưỡng cả 02 con bởi vì: Hiện nay, chị làm giáo viên mầm non của Trung tâm can thiệp sớm **A, tại phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc**, có thu nhập ổn định từ lương là 7.000.000đ/tháng, ngoài ra chị còn làm thêm một số công việc khác và có thu nhập khoảng 3.000.000đ/tháng. Chị đang thuê phòng trọ tại **phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc**, phòng trọ rộng rãi, đầy đủ tiện nghi. Cháu **H2** đang ở với anh **H1** ngay tại xưởng sửa chữa ô tô, nơi ở chính là thùng xe tải chật chội, thiếu tiện nghi, không đảm bảo sinh hoạt, thỉnh thoảng cháu **H2** bị bố đánh, hơn nữa cháu **H2** là con gái đang trong giai đoạn dậy thì nếu được ở với mẹ thì tốt hơn. Anh **H1** theo đạo, chị không rõ là đạo gì, nhưng anh **H1** bắt cháu **H2** tuân theo chế độ ăn uống, sinh hoạt của anh **H1** không đảm bảo sức khỏe và sự phát triển bình thường của cháu **H2**.

*Bị đơn là anh **Bùi Văn H1** vắng mặt, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, anh **H1** trình bày:* Anh kết hôn với chị **Hoàng Thị Thu H** ngày 15/3/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **K** (nay là thị trấn **K**), huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Phúc**. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà chung sống tại **huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc** để tiện làm việc. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 5/2023 thì vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị **H**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Bùi Thu H2**, sinh ngày 19/8/2012 và cháu **Bùi Khánh L**, sinh ngày 07/11/2014. Hiện nay, cháu **H2** đang ở với anh, còn cháu **L** đang ở với chị **H**. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Bùi Thu H2**, để chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Bùi Khánh L** và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Lý do anh đề nghị Tòa án giao cho anh và chị **H** mỗi người được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung bởi vì: Hiện nay, anh đang làm gara ô tô ở **tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, thu nhập bình quân 20.000.000đ/tháng. Chị **H** trình bày anh có đánh cháu **H2** là đúng. Anh khẳng định có đánh cháu khi cháu hư,

nhưng đó chỉ là việc hãn hữu và không nghiêm trọng gì. Nếu cả 02 con ở với chị **H** thì phải ở chỗ trọ không rộng rãi, không đảm bảo cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Đối với việc anh theo chế độ ăn uống, sinh hoạt theo kiểu ăn chay là có thật, nhưng đảm bảo tốt cho sức khỏe, cháu **H2** ở cùng với anh vẫn đảm bảo phát triển bình thường.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị **H** và anh **H1** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cả hai cháu **Bùi Thu H2** và **Bùi Khánh L** đều có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị **H** được ly hôn với anh **H1**; về con chung, giao cho chị **H** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Bùi Thu H2** và cháu **Bùi Khánh L**, anh **H1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí, chị **H** phải chịu theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Hoàng Thị Thu H** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh **Bùi Văn H1** có hộ khẩu thường trú tại **thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh **Bùi Văn H1**: Tại phiên tòa, anh **H1** vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Bùi Văn H1** là hợp pháp vì được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã **K** (nay là **thị trấn K**), huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Phúc** theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **H1** là do hai bên không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô xát. Chị **H** và anh **H1** đã sống ly thân một thời gian dài và có nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không thành; chị **H** và anh **H1** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị **H**, anh **H1** về đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị **H** đề

ngợi Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Bùi Thu H2, sinh ngày 19/8/2012 và cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 07/11/2014; hiện nay, cháu H2 đang ở với anh H1, còn cháu L đang ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đề nghị Tòa án giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; anh H1 đề nghị Tòa án giao cho anh H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2, giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L; chị H và anh H1 đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị H, anh H1 là chính đáng vì hai bên đều có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đều có việc làm, có thu nhập. Tuy nhiên, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, cũng như lời khai của chị H, anh H1 và cháu H2; thấy rằng hiện nay anh H1 và cháu H2 đang sinh sống tại xưởng sửa chữa ô tô và lấy thùng xe tải làm nơi ăn ngủ hàng ngày, cháu H2 được anh H1 cho ăn chay trường theo chế độ của anh H1. Tòa án tiến hành xác minh tại Trường trung học cơ sở K, huyện T nơi cháu H2 học tập, thể hiện trong học kỳ I năm học 2023 – 2024 cháu H2 về ý thức tổ chức kỷ luật và học lực còn chưa đạt, thường xuyên đi học muộn. Ngoài ra theo lời khai của cháu H2, cháu nhiều lần bị bố đánh, còn theo anh H1 thì anh có đánh cháu khi cháu hư nhưng đó chỉ là việc hãn hữu và không nghiêm trọng gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, chế độ ăn uống, cũng như nơi ăn ngủ sinh hoạt của cháu H2 cùng phương pháp dạy con chưa khoa học của anh H1 đã ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe thể chất, tinh thần của cháu H2, làm cho tình hình và kết quả học tập của cháu H2 bị giảm sút. Đối với cháu L, chị H và anh H1 đều thống nhất thỏa thuận để chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu H2 và cháu L đều là nữ giới, đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của trẻ em sau khi bố mẹ ly hôn, cần giao cả hai con chung là cháu H2 và cháu L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu, nên anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Sau khi ly hôn, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị H và anh H1 đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị **Hoàng Thị Thu H** được ly hôn anh **Bùi Văn H1**.

2. Về con chung: Chị **Hoàng Thị Thu H** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Bùi Thư H2**, sinh ngày 19/8/2012 và cháu **Bùi Khánh L**, sinh ngày 07/11/2014. Anh **Bùi Văn H1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Về án phí: Chị **Hoàng Thị Thu H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001328 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; chị **H** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND thị trấn Kim Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Thu Hạnh**